



ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN NGOẠI NGỮ CHO TRƯỜNG PHỔ THÔNG VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. PHẠM THỊ NGỌC

Trường Đại học Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Xu thế toàn cầu hóa hiện nay đang đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi sự đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ để từng bước nâng cao năng lực ngoại ngữ không chỉ tiếng Anh mà cả các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh như tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Hàn v.v. Ngoài các kế hoạch triển khai dạy và học tiếng Anh, hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đang tiếp tục triển khai các kế hoạch đưa một số ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh gồm tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Hàn vào giảng dạy thí điểm như ngoại ngữ 1 và ngoại ngữ 2 ở nhiều trường phổ thông trên cả nước. Việc triển khai thí điểm các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh nêu trên đã thu được kết quả khả quan. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai cũng bộc lộ một số hạn chế, trong đó có hạn chế về xây dựng và phát triển đội ngũ GV. Thực tế là nguồn lực giáo viên (GV) ngoại ngữ phổ thông ngoài tiếng Anh chưa được chuẩn bị đầy đủ trong khi kế hoạch đưa nhiều ngoại ngữ vào dạy và học ở các trường phổ thông tại các Sở GD&ĐT đã được triển khai. Chất lượng GV ngoại ngữ phổ thông ngoài tiếng Anh chưa tốt, nhiều GV non kém cả về trình độ năng lực ngoại ngữ và phương pháp sư phạm. Cơ chế tuyển dụng, chế độ đãi ngộ đối với lực lượng GV ngoại ngữ phổ thông ưu tú ngoài tiếng Anh hiện nay chưa thực sự thu hút. Những vấn đề này cần được quan tâm giải quyết nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh ở trường phổ thông hiện nay và các giai đoạn tiếp theo. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến thực trạng và giải pháp đào tạo đội ngũ GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh cho trường phổ thông Việt Nam.

2. Thực trạng về đào tạo và đội ngũ GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh hiện nay

2.1. Thực trạng đào tạo GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh hiện nay

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế và các số liệu mà chúng tôi thu thập được cho thấy hiện nay số lượng sinh viên (SV) được đào tạo ở các khoa Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Trung, Tiếng Đức, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn v.v. phần lớn là cử nhân phiên dịch. Số lượng SV được đào tạo cử nhân sư phạm ngoại ngữ ở Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội

và một số Trường Đại học sư phạm (ĐHSP) không nhiều.

Cụ thể, các khoa Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga ở các trường ngoại ngữ, hàng năm có số lượng SV đầu vào khoảng từ 100 đến 200 SV nhưng SV hệ sư phạm chỉ từ 50 đến 70 SV. Điển hình như Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội là cơ sở đào tạo cử nhân sư phạm ngoại ngữ chiếm tỉ trọng cao thì hàng năm cũng chỉ đào tạo SV sư phạm khoảng 70 đến 80 SV tiếng Pháp, tiếng Trung và tiếng Nga. Các trường còn lại như Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHSP Hà Nội, Đại học Ngoại Ngữ – Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế, Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học HCM, ĐHSP TP Hồ Chí Minh... hàng năm đào tạo ít hơn, khoảng 30 SV cho hệ sư phạm tiếng Pháp, sư phạm tiếng Trung.

Ngoài các ngoại ngữ truyền thống kể trên, để đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội các khoa Tiếng Nhật, tiếng Hàn và tiếng Đức ở các trường những năm gần đây cũng đã tăng dần số lượng SV từ 80 đến 150 SV. SV các ngành ngoại ngữ này chủ yếu cũng được đào tạo là cử nhân phiên dịch. Hiện chỉ duy nhất có khoa tiếng Nhật của Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội hàng năm có đào tạo khoảng 30 SV tiếng Nhật hệ sư phạm, các cơ sở đào tạo tiếng Nhật còn lại chỉ đào tạo cử nhân phiên dịch¹. Tiếng Hàn so với 10 năm trước đã có sự phát triển vượt bậc cả về số lượng SV và chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, khác với tiếng Nhật là không có một cơ sở nào đào tạo hệ sư phạm tiếng Hàn, kể cả Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội². Hiện tại, do nhu cầu tuyển dụng phiên dịch tiếng Hàn cao tại Việt Nam nên các trường chỉ tập trung đào tạo cử nhân hệ phiên dịch tiếng Hàn mà bỏ ngỏ việc đào tạo đội ngũ GV tiếng Hàn, trong khi đội ngũ này lại là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của đề án đưa tiếng Hàn vào giảng dạy trong các trường phổ thông hiện nay. Khác với tiếng Nhật và tiếng Hàn thì tiếng Đức hiện nay vẫn chưa được đào tạo ở nhiều trường đại học. Theo khảo sát sơ bộ ở khu vực Hà Nội, hiện chỉ có 2 trường ở

¹ Nguồn do khoa Tiếng Nhật các cơ sở đào tạo cung cấp

² Nguồn do các khoa Tiếng Hàn ở các trường cung cấp

Hà Nội là Trường Đại học Hà Nội và Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội đào tạo tiếng Đức. Trong số SV được tuyển vào khoa tiếng Đức hàng năm thì tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội cứ 4 năm thì mới đào tạo một lớp khoảng 20 đến 30 SV hệ sư phạm tiếng Đức³.

Từ những kết quả và số liệu khảo sát trên cho thấy kế hoạch đào tạo nguồn lực GV các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh ở nước ta hiện nay đang thiếu tính tổng thể, số lượng SV được đào tạo còn hạn chế, chưa gắn kết với nhu cầu tuyển dụng thực tế, chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo và các Sở GD&ĐT địa phương. Để đạt được mục tiêu của đề án đưa nhiều ngoại ngữ vào dạy và học chất lượng trong các trường phổ thông ở nước ta hiện nay, đòi hỏi các cơ sở đào tạo phải phối hợp chặt chẽ với các Sở GD&ĐT địa phương trong xây dựng kế hoạch ngắn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nguồn lực GV đạt chuẩn đầu ra theo quy định ở mỗi môn Ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn lực GV ngoại ngữ của cả nước.

2.2. Thực trạng đội ngũ GV ngoại ngữ Anh hiện nay

Thực tế nguồn lực GV ngoại ngữ phổ thông ngoài tiếng Anh hiện nay rất hạn chế về số lượng; chất lượng GV bộc lộ nhiều yếu kém cả về trình độ năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy.

Cụ thể, nếu căn cứ theo số lượng người học thì tiếng Pháp là ngoại ngữ quan trọng thứ hai sau tiếng Anh. Số lượng HS theo học tiếng Pháp hiện khoảng hơn 100.000 HS với các chương trình giảng dạy khác nhau. Tuy nhiên, vấn đề khó khăn hiện nay mà các Sở GD&ĐT địa phương đang gặp phải chính là thiếu nguồn lực GV tiếng Pháp. Qua báo cáo tổng kết của các Sở GD&ĐT cho thấy các đề án tiếng Pháp chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về nguồn lực GV phổ thông. Cụ thể ở một số tỉnh như Bến Tre, Khánh Hòa, Quảng Ninh, Hải Phòng, v.v. đang đứng trước thực trạng khó duy trì dạy và học do thiếu GV, tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện được đề án ngoại. GV buộc phải tham gia các lớp tập huấn ngắn ngày để lên lớp, do đó năng lực giảng dạy GV rất hạn chế và khó đáp ứng được nhu cầu giảng dạy ngoại ngữ tiếng Pháp lâu dài có chất lượng⁴.

Tiếng Nga hiện có khoảng 1.300 HS theo học ở khoảng 14 trường trung học phổ thông chuyên giảng

dạy tiếng Nga trong cả nước⁵. Hiện nay, do bối cảnh và nhu cầu thực tế của xã hội nên đội ngũ GV tiếng Nga đang bị thu hẹp lại, Bộ GD&ĐT cũng gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì dạy tiếng Nga ở các trường phổ thông, một số GV giỏi tiếng Nga đã chuyển sang học một chuyên ngành ngoại ngữ khác mà chủ yếu là tiếng Anh để đáp ứng nhu cầu chung của xã hội. Thời gian qua cũng đã có một số hội thảo đề cập đến việc thúc đẩy bồi dưỡng, giảng dạy tiếng Nga trong nhà trường phổ thông nhằm nối lại việc giảng dạy tiếng Nga tại Việt Nam. So với đội ngũ GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh khác thì đội ngũ GV tiếng Nga hiện nay ở nhiều trường phổ thông phần lớn đã được đào tạo cơ bản từ trước nên nếu nối lại việc giảng dạy tiếng Nga thì nguồn lực GV hiện tại cũng như nguồn lực tương lai có thể đáp ứng được cơ bản nhu cầu giảng dạy phổ thông xét cả về trình độ tiếng Nga lẫn kĩ năng và phương pháp giảng dạy.

Tiếng Trung hiện là một trong 6 ngoại ngữ đang được dạy và học như ngoại ngữ 1 và ngoại ngữ 2 ở các trường trung học trong cả nước. Số lượng HS tiếng Trung tập trung đông ở các tỉnh, thành phố lớn và các tỉnh thuộc khu vực gần biên giới Việt-Trung như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai và Hà Giang. Thực tế thời gian qua các cơ sở đào tạo đã đào tạo được tương đối nguồn lực GV tiếng Trung cho các trường phổ thông trong cả nước⁶. Tuy nhiên, do nhu cầu GV phổ thông tiếng Trung thời gian qua ít và hạn chế nên nhiều SV tốt nghiệp cử nhân sư phạm tiếng Trung ra trường đã không thể tham gia giảng dạy. Trái lại, một số trường hợp tốt nghiệp cử nhân phiên dịch tiếng Trung lại đang tham gia công tác giảng dạy tại các trường mà chưa qua bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ sư phạm. Năng lực, trình độ GV hạn chế, thiếu kĩ năng sư phạm chính là nguyên nhân dẫn tới chất lượng giảng dạy tiếng Trung chưa tốt ở một số trường phổ thông hiện nay.

Sau 10 năm kể từ khi đề án tiếng Nhật được đưa vào giảng dạy thí điểm từ năm 2003 đến năm 2013 tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Huế, hiện đã có khoảng hơn 6.000 HS đang theo học tiếng Nhật tại các trường THCS và THPT⁷. Bên cạnh những kết quả đạt được thì thực tế cũng cho thấy nguồn lực GV bị thiếu đặc biệt là thiếu đội ngũ cử nhân sư phạm tiếng Nhật. Chất lượng GV bộc lộ nhiều non kém cả về trình độ tiếng Nhật lẫn kĩ năng sư phạm. Giống như tiếng Trung, rất nhiều cử nhân

³ Thông tin do khoa Tiếng Đức Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia cung cấp

⁴ Trích từ báo cáo tổng kết kế hoạch dạy học nhiều ngoại ngữ của các Sở GD&ĐT Thừa Thiên Huế, Bến Tre, Hải Phòng năm 2013

⁵ Số liệu của Vụ Giáo dục Trung học- Bộ GD&ĐT

⁶ Qua số liệu khảo sát 2013 về số lượng SV sư phạm tiếng Trung tốt nghiệp ra trường đang giảng dạy ở các trường phổ thông.

⁷ Số liệu của Vụ Giáo dục Trung học- Bộ GD&ĐT

tiếng Nhật chưa qua bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ sư phạm đang tham gia công tác giảng dạy. Do đó, chất lượng giảng dạy tiếng Nhật ở các trường phổ thông vẫn chưa được đảm bảo mặc dù đã và đang có sự hỗ trợ tích cực của GV cũng như chuyên gia Nhật Bản.

Năm 2007, đề án dạy thí điểm tiếng Đức đã được triển khai và theo số liệu thống kê của Vụ Giáo dục Trung học – Bộ GD&ĐT, hiện có trên 1.400 HS tại 14 trường THPT tại các tỉnh như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng đang theo học tiếng Đức như ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2⁸. Thế nhưng đội ngũ GV giảng dạy tiếng Đức vẫn đang thiếu về số lượng và yếu về chất lượng giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm yếu v.v. chính là nguyên nhân dẫn tới chất lượng giảng dạy tiếng Đức ở một số trường phổ thông hiện nay chưa được như mong muốn.

Tiếng Hàn hiện đã được triển khai dạy và học ở một số trường phổ thông tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh như một môn ngoại ngữ tự chọn (ngoại ngữ 2) với số lượng còn rất hạn chế. Tuy nhiên, nếu đề án đưa tiếng Hàn vào giảng dạy ở bậc phổ thông được Bộ GD&ĐT Việt Nam và Đại sứ quán Hàn Quốc, Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (Korea foundation) v.v. kí kết triển khai vào thời gian tới thì chắc chắn số lượng HS phổ thông tham gia học tiếng Hàn được nhận định là sẽ tăng cao. Thực tế chưa có chương trình đào tạo GV tiếng Hàn ở các cơ sở đào tạo và đội ngũ GV hiện nay ở một số trường phổ thông ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đều là cử nhân phiên dịch tiếng Hàn mới ra trường, không có kĩ năng sư phạm, trình độ tiếng Hàn yếu dẫn tới nhiều bất cập trong giảng dạy tiếng Hàn.

3. Nguyên nhân dẫn tới hạn chế trong đào tạo GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh

Nguyên nhân chính dẫn tới những hạn chế trong đào tạo GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh hiện nay là thiếu kế hoạch đào tạo tổng thể, đào tạo chưa có sự gắn kết chặt chẽ với nhu cầu về nguồn lực GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh ở nhiều địa phương. Thực tế này đòi hỏi việc xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn lực GV đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng năng lực chuẩn đầu ra theo quy định mới nhằm thực hiện có hiệu quả chủ trương dạy và học nhiều ngoại ngữ trong trường phổ thông ở nước ta hiện nay.

Trước năm 2012, tổng chỉ tiêu tuyển sinh ở các cơ sở đào tạo đã tăng mạnh liên tục trong nhiều

năm gồm cả chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo cử nhân ngoại ngữ và sư phạm ngoại ngữ dẫn đến việc đào tạo ổ ạt, tràn lan gây mất cân bằng trong cung và cầu nguồn nhân lực. Thực tế so với các ngành sư phạm khác thì tỉ lệ SV sư phạm ngoại ngữ khi ra trường có việc làm cao hơn. Tuy nhiên, nhiều SV đang không làm đúng ngành nghề được đào tạo. Các cử nhân ngoại ngữ đang làm các công việc khá bấp bênh, không ổn định và mang tính thời vụ như biên dịch, phiên dịch, hướng dẫn viên du lịch, giảng dạy ở các trung tâm ngoại ngữ hoặc làm các công việc như tiếp thị, bán hàng. Nhiều cử nhân sư phạm tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Trung ra trường mong muốn được giảng dạy nhưng do nhu cầu thực tế còn quá ít nên phần lớn vẫn đang làm các công việc chưa tương xứng những gì mà bản thân, gia đình và nhà nước đã đầu tư. Hiện nay, Thông tư 57/2011/BGDĐT quy định các chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT có hiệu lực từ năm 2012 nêu ra tiêu chí cho các trường tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo năng lực thực tế của cơ sở đã phân nào giải quyết được những hạn chế trong tuyển sinh tràn lan, bất hợp lý, gây thừa nguồn cung về nhân lực ngoại ngữ nhưng vẫn chưa giải quyết được vấn đề mất cân bằng trong đào tạo cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực ngoại ngữ theo đúng yêu cầu thực tế xã hội hiện nay.

Một nguyên nhân nữa là các cơ sở đào tạo vẫn chưa có kế hoạch chuẩn bị đầy đủ nguồn lực GV ngoại ngữ phổ thông ngoại trừ tiếng Anh trong khi kế hoạch đưa nhiều ngoại ngữ vào giảng dạy ở các trường phổ thông ở các Sở GD&ĐT đã được triển khai theo đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân. Kế hoạch và chương trình đào tạo đội ngũ GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh chưa thực sự gắn kết với kế hoạch tuyển dụng GV ngoại ngữ của các Sở GD&ĐT, dẫn đến tình trạng SV ra trường làm việc không đúng ngành đào tạo trong khi các tỉnh muốn tuyển dụng GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh thì lại không tuyển dụng được theo đúng nhu cầu.

Nói tới nguyên nhân hạn chế trong đào tạo đội ngũ GV hiện nay là chất lượng đầu ra của SV sư phạm ngoại ngữ ngoài tiếng Anh ở các cơ sở đào tạo. Hiện nay, có nhiều GV ngoại ngữ ở các trường phổ thông đã tốt nghiệp hệ sư phạm ngoại ngữ nhưng lại rất yếu về trình độ và non kém kĩ năng sư phạm khi lên lớp, chất lượng và hiệu quả giảng dạy không cao mặc dù đã qua đào tạo cơ bản. Chất lượng đào tạo không đồng đều, các cơ sở đào tạo chưa xây dựng được các tiêu chí xác định chuẩn năng lực đầu ra, dẫn tới chất lượng nguồn lực GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh yếu kém hiện nay.

⁸Số liệu và thông tin do khoa Tiếng Đức-Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia cung cấp

Yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo đội ngũ GV ở các cơ sở đào tạo còn nằm ở chính đội ngũ GV bản ngữ ở các khoa ngoại ngữ ngoài tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo. Bên cạnh những chuyên gia bản ngữ có chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy thì một số GV bản ngữ chỉ là GV tinh nguyện, thậm chí chưa qua đào tạo sư phạm, thiếu kĩ năng sư phạm hiện đang tham gia công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo.

Nguyên nhân cuối cùng dẫn tới những hạn chế trong đào tạo và tuyển dụng đội ngũ GV ngoại ngữ phổ thông ưu tú chính là cơ chế khuyến khích, đãi ngộ và cơ hội học tập, phát triển chuyên môn của GV ngoại ngữ. Nhiều Sở GD&ĐT địa phương bị hạn chế chỉ tiêu tuyển dụng đối với GV các ngoại ngữ, cơ chế lương và các chế độ khác đối với GV ngoại ngữ dạy hợp đồng chưa thực sự thu hút. Cơ chế khuyến khích đối với GV có nguyện vọng học tập, phấn đấu, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế. GV ngoại ngữ ở các Sở GD&ĐT địa phương ít có cơ hội để tiếp xúc, trao đổi chuyên môn với các GV bản ngữ. Cơ chế đãi ngộ, khuyến khích của nhà nước còn nhiều bất cập là nguyên nhân chính dẫn tới thực trạng nhiều SV giỏi không muốn theo học ngành sư phạm hoặc cho dù có học ngành sư phạm cũng không mong muốn tham gia giảng dạy.

4. Một số giải pháp khắc phục trong đào tạo nguồn lực GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh hiện nay

4.1. Rà soát nguồn lực hiện có và nhu cầu tương lai về GV các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh

Các Sở GD&ĐT cần rà soát lại số lượng cũng như năng lực thực tế của đội ngũ GV ngoại ngữ tại các trường phổ thông do Sở quản lý. Từ những số liệu khảo sát, kết quả phân tích thực tế tại địa phương, các Sở GD&ĐT cần lên kế hoạch bồi dưỡng trình độ, chuyên môn nghiệp vụ sư phạm cho đối tượng GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh hiện có theo đúng chuẩn năng lực đầu ra đối với GV ngoại ngữ. Đồng thời, các Sở GD&ĐT phải đưa ra các kế hoạch tuyển dụng GV ngoại ngữ hàng năm theo đúng mục tiêu đưa nhiều ngoại ngữ vào giảng dạy tại các trường phổ thông tại địa phương nhằm thực hiện đổi mới trong dạy và học ngoại ngữ theo chủ trương chung của Bộ GD&ĐT. Các nhu cầu về bồi dưỡng, tuyển dụng GV ngoại ngữ ở các Sở GD&ĐT phải được xem xét, theo kế hoạch phát triển dạy và học chung ở từng giai đoạn đối với môn ngoại ngữ đó. Mặt khác, các Sở GD&ĐT cần đưa ra yêu cầu chặt chẽ về chuẩn năng lực đầu ra đối với đội ngũ GV ngoại ngữ được cử đi bồi dưỡng cũng như đội ngũ GV ngoại ngữ sẽ tuyển dụng mới.

4.2. Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và các cơ sở đào tạo ngoại ngữ

Mối quan hệ chặt chẽ giữa Bộ GD&ĐT, các Sở GD&ĐT và các cơ sở đào tạo GV ngoại ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn lực GV ngoại ngữ có chất lượng cho các trường phổ thông. Do đó, Bộ GD&ĐT cần đóng vai trò chủ đạo trong triển khai kế hoạch đưa nhiều ngoại ngữ vào dạy và học tại các trường phổ thông trong cả nước. Để tăng cường mối quan hệ chặt chẽ, gắn kết giữa các cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo, cơ sở dạy và học ngoại ngữ ở các địa phương, Bộ GD&ĐT cần tạo điều kiện để các Sở GD&ĐT và các cơ sở đào tạo có thể trao đổi thông tin, hợp tác về các kế hoạch triển khai dạy và học các ngoại ngữ ở từng giai đoạn theo nhu cầu thực tế tại mỗi địa phương trên cơ sở đề án đổi mới dạy và học ngoại ngữ chung của Bộ GD&ĐT. Các Sở GD&ĐT cũng cần phải cung cấp thông tin đầy đủ về nhu cầu nguồn lực GV ở từng ngoại ngữ cũng như đưa các đề xuất khác liên quan tới bồi dưỡng năng lực GV hiện để từ đó các cơ sở đào tạo hàng năm có thể lên kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo GV ngoại ngữ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo đúng nhu cầu thực tế của từng địa phương. Những kế hoạch đào tạo GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh ở các cơ sở đào tạo nếu gắn kết chặt chẽ với nhu cầu bồi dưỡng, tuyển dụng thực tế ở các Sở GD&ĐT.

4.3. Cần xây dựng các cơ chế đãi ngộ phù hợp hơn với đội ngũ GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh

Kế hoạch đưa nhiều ngoại ngữ vào dạy và học tại các trường phổ thông đòi hỏi một nguồn lực GV ngoại ngữ không nhỏ. Để có thể thu hút, khuyến khích đội ngũ cử nhân ngoại ngữ ưu tú cũng như đội ngũ GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh tích cực tham gia vào công tác giảng dạy các môn ngoại ngữ ở các trường phổ thông, Bộ GD&ĐT cần xây dựng các cơ chế, chỉ tiêu tuyển dụng phù hợp cũng như tạo các cơ hội để đội ngũ này có thể học tập, nâng cao và phát triển năng lực chuyên môn trong dạy học. Bộ GD&ĐT phối hợp với các cơ quan ngoại giao, đại sứ quán, các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và nghiệp vụ sư phạm ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong nước và ở nước ngoài cho đội ngũ GV ngoại ngữ phổ thông ngoài tiếng Anh. Bên cạnh đó, Bộ GD&ĐT cần có chính sách đãi ngộ phù hợp để khuyến khích đội ngũ GV ngoại ngữ ngoài tiếng Anh yêu nghề, không ngừng học hỏi, trau dồi chuyên môn để giảng dạy có chất lượng tốt.

(Xem tiếp trang 18)